TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/DS-ST
Ngày: 16 - 3 - 2022
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Thanh Chúc

2. Ông Nguyễn Hoàng Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Vân, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Tấn An- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh, tiến hành đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2021/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Cô Thị Ngọc L, sinh năm 1973 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp Ch, xã Tr, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Lâm Thị Ngọc A, sinh năm 1981 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp Ch, xã Tr, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/10/2021, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Cô Thị Ngọc L trình bày và có yêu cầu như sau:

Vào năm 2021 chị Cô Thị Ngọc L có cho chị Lâm Thị Ngọc A vay tiền nhiều lần, số tiền vay tổng cộng 590.000.000 đồng (đ), cụ thể vào ngày 22/3/2021 âm lịch (âl) cho vay 330.000.000đ, ngày 04/4/2021 âl cho vay 200.000.000đ, lần 3 cùng ngày 04/04/2021 âl cho vay 60.000.000đ, các lần vay chị A có ghi giấy biên nhận, cụ thể giấy ghi số tiền và ngày tháng năm mỗi lần nhận tiền nhưng chị A không ký tên vào giấy, có thỏa thuận trả vốn và lãi theo hình thức trả góp như sau:

số tiền 330.000.000đ thỏa thuận góp 55 ngày, mỗi ngày góp 6.600.000đ; số tiền 200.000.000đ thỏa thuận góp 55 ngày, mỗi ngày góp 4.000.000đ, số tiền 60.000.000đ thỏa thuận góp 30 ngày, mỗi ngày góp 2.200.000đ,

Sau khi vay chị A góp được các khoản như sau:

- Đối với số tiền 330.000.000đ chị A góp được 18 ngày từ ngày (23/3/2021 âl đến ngày 10/4/2021 âl) là 118.800.000đ, không góp nữa.

- Đối với số tiền 200.000.000đ chị A góp được 06 ngày (05/4/2021 âl đến ngày 10/4/2021 âl) là 24.000.000đ, không góp nữa.

- Đối với số tiền 60.000.000đ chị A góp được 06 ngày (05/4/2021 âl đến ngày 10/4/2021 âl) là 13.200.000đ, không góp nữa.

Do chị A không góp tiếp nên chị L yêu cầu chị A góp đúng thỏa thuận thì ngày 17/4/2021 âl chị A có góp 01 ngày là 2.200.000đ của khoản vay 60.000.000đ, chị A ngưng không góp tiếp các khoản vay nên chị L có báo tổ hòa giải ấp Ch giải quyết buộc chị A trả số tiền vốn vay còn nợ là 431.800.000đ, cụ thể tổng số tiền vốn đã trả 158.200.000đ, trong đó, số tiền 330.000.000đ trả được 118.800.000đ, còn nợ 211.200.000đ; số tiền 200.000.000đ trả được 24.000.000đ, còn nợ 176.000.000đ; số tiền 60.000.000đ trả được 15.400.000đ, còn nợ 44.600.000đ. Qua hòa giải chị A thừa nhận số tiền vay nhưng cho rằng đã góp 39 lần cho các khoản vay và chỉ còn nợ lại 88.600.000đ nên chị L không đồng ý trả theo yêu cầu của chị L; các bên không thỏa thuận được.

Do đó, chị L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Lâm Thị Ngọc A trả số tiền vốn vay nợ còn lại 431.800.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa bị đơn Lâm Thị Ngọc A trình bày như sau:

Chị Lâm Thị Ngọc A thừa nhận có vay và nhận tiền của chị Cô Thị Ngọc L 03 lần tổng số tiền nhận là 590.000.000đ, thỏa thuận trả vốn, lãi bằng hình thức trả góp và chị có viết giấy nhận tiền như chị L trình bày, số tiền vay chị A sử dụng riêng là cho người khác vay lại, gia đình chị không biết.

Trong thời gian vay chị A cho rằng đã góp trả được số tiền 468.400.000đ, còn nợ lại 121.600.000đ, cụ thể các khoản đã trả như sau:

- Số tiền 330.000.000đ góp được 39 ngày từ ngày (23/3/2021 âl đến ngày 02/5/2021 âl) là 257.400.000đ;

- Số tiền 200.000.000đ chị A góp được 39 ngày (05/4/2021 âl đến ngày 16/5/2021 âl) là 156.000.000đ;

- Số tiền 60.000.000đ chị A góp được 25 ngày (05/4/2021 âl đến ngày 30/5/2021 âl) là 55.000.000đ;

Việc ngưng không góp được cho chị L là do những người chị cho vay không góp cho chị, các lần góp trả tiền vốn, lãi chị A chỉ đưa trực tiếp cho chị L nhận, không ghi giấy theo dõi mà tự nhớ. Nay chị L cho rằng chị đã góp của 03 khoản vay được 158.200.000đ và còn nợ lại 431.800.000đ và yêu cầu chị trả số

tiền này, chị A không đồng ý mà chỉ đồng ý trả số tiền còn nợ vốn là 121.400.000đ.

Ngoài ra, chị A không có phản tố đối với chị L.

Những vấn đề các đương sự thống nhất:

- Chị A thừa nhận vay của chị L tổng số tiền 590.000.000đ, cụ thể 03 lần vay, lần 01 ngày 22/4/2021 âl vay 330.000.000đ, lần 02 ngày 04/4/2021 âl vay 200.000.000đ, lần 03 ngày 04/4/2021 âl vay 60.000.000đ, giấy nhận tiền chị L cung cấp, chị A thừa nhận do chị viết ra và các bên thừa nhận trả vốn và lãi bằng hình thức trả góp.

- Chị L, chị A thống nhất tiền đã trả là tiền vốn và tiền còn nợ cũng là tiền vốn, không còn tính lãi trong số tiền đã trả và tiền còn nợ như thỏa thuận khi vay.

Những vấn đề các đương sự không thống nhất:

- Chị L cho rằng số tiền 330.000.000đ, chị A trả được 18 ngày, số tiền 118.800.000 đồng, số tiền còn lại là 211.200.000đ. Chị A cho rằng số tiền này đã trả 39 ngày được số tiền 257.400.000đ, còn nợ là 72.600.000đ;

- Chị L cho rằng số tiền 200.000.000đ, chị A trả được 06 ngày, số tiền 24.000.000đ, số tiền còn nợ 176.000.000đ. Chị A cho rằng số tiền này đã trả 39 ngày là 156.000.000đ, số tiền còn nợ 44.000.000đ;

- Chị L cho rằng số tiền 60.000.000đ, chị A trả được 07 ngày, số tiền 15.400.000đ, số tiền còn nợ 44.600.000đ. Chị A cho rằng số tiền này đã trả 25 ngày là số tiền 55.000.000đ, số tiền còn nợ 5.000.000đ;

Cụ thể, chị L cho rằng tổng số tiền chị A đã trả của 03 khoản vay là 158.200.000đ (tính vốn) và còn nợ lại của 03 khoản là 431.800.000đ (tính vốn). Chị A không đồng ý mà cho rằng tổng tiền đã trả của 03 khoản vay là 468.400.000đ (tính vốn) và còn nợ lại là 121.600.000đ (tính vốn).

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Về thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần phiên họp, thành phần hòa giải và thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều thực hiện đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tống đạt đầy đủ, hợp lệ cho các đương sự. Các đương sự chấp hành đúng pháp luật.

Về hướng giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc chị Lâm Thị Ngọc A trả cho chị Cô Thị Ngọc L số tiền vốn vay là 431.800.000đ. Về án phí căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị đơn Lâm Thị Ngọc A phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét thấy chị Cô Thị Ngọc L khởi kiện chị Lâm Thị Ngọc A yêu cầu trả tiền vay. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự tranh chấp về "*Hợp đồng dân sự vay tài sản*" theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự và bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện C, tỉnh Trà Vinh cho nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Các đương sự thống nhất trong năm 2021, bị đơn Lâm Thị Ngọc A có nhận tiền vay của nguyên đơn Cô Thị Ngọc L số tiền như sau: Ngày 22/3/2021 âl nhận 330.000.000đ, ngày 04/4/2021 âl nhận 200.000.000đ, lần 3 vào ngày 04/04/2021 âl nhận 60.000.000đ; việc giao nhận tiền chị L cung cấp 01 giấy biên nhận chứng minh việc giao nhận tiền giữa hai bên, biên nhận được chị A thừa nhận do chị viết ra; tổng số tiền vay là 590.000.000đ.

[3] Xét trình bày của chị L về số tiền vay 330.000.000đ chị A đã trả 18 ngày được 118.800.000đ nên yêu cầu chị A phải trả số tiền còn nợ 211.200.000đ; số tiền vay 200.000.000đ chị A đã góp trả 06 ngày là 24.000.000đ, còn nợ là 176.000.000đ; số tiền 60.000.000đ chị A đã trả 15.400.000đ nên còn nợ là 44.600.000đ, do đó yêu cầu chị A trả tổng số tiền vay còn nợ là 431.800.000đ. Phía chị A không đồng ý trình bày, yêu cầu của chị L mà cho rằng trong khoản tiền vay 330.000.000đ, chị đã trả được 39 ngày số tiền là 257.400.000đ, còn nợ lại là 72.600.000đ; khoản tiền vay 200.000.000đ chị đã trả được 39 ngày số tiền 156.000.000đ, số tiền còn nợ 44.000.000đ; số tiền vay 60.000.000đ chị cho rằng đã trả 25 ngày số tiền 55.000.000đ, số tiền còn nợ 5.000.000đ, tổng còn nợ chị L là 121.600.000đ, phía chị A cung cấp 01 giấy (pho to) theo dõi ngày chị góp trả của khoản vay 330.000.000đ và 200.000.000đ góp được 39 ngày tính từ ngày 23/3/2021 âl đến ngày 02/5/2021 âl, giấy này chị tự ghi để theo dõi, ngoài ra không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh về việc đã trả tiền của các khoản vay là 468.400.000đ. Do đó, Hội đồng xét xử, xét thấy lời trình bày của chị A và chứng cứ chị cung cấp là giấy chị tự viết, là bản pho to, những chứng cứ này không được phía chị L chấp nhận nên không có cơ sở chứng minh cho trình bày của chị.

[4] Xét các lời trình bày của chị A về khoản tiền vay đã góp trả chị L, tại tổ hòa giải của ấp Ch, xã Tr chị cho rằng đã góp trả 03 khoản là 501.400.000đ, chỉ còn nợ 88.600.000đ và tại bản tự khai và các lần hòa giải tại Tòa án thì chị A xác định đã trả chị L tổng số tiền là 468.400.000đ, còn nợ là 121.600.000đ. Các lời trình bày của chị còn mâu thuẫn về số ngày góp và số tiền đã góp trả cho chị L, các lần đã góp trả là do chị tự ghi, tự nhớ nên không có cơ sở xác định tổng số tiền đã trả 468.400.000đ như chị trình bày.

[5] Xét lời khai tại phiên tòa chị A xác định ngày trả tiền lần sau cùng cho chị L số tiền 2.200.000đ cho khoản vay 60.000.000đ (không nhớ ngày tháng nào của năm 2021) và chị cũng xác định trước đó vài ngày không góp đầy đủ các khoản vay do người khác vay không góp trả chị nhưng lời khai tại hòa giải chị cho rằng góp liên tục từ ngày 23/3/2021 đến 02/5/2021 là 39 ngày. Ngoài ra, đoạn video chị L cung cấp, nội dung chị L và chị A chốt nợ thì chị A cho rằng đã góp trả được 28 ngày của số tiền 330.000.000đ. Do đó, xét lời khai của chị A còn nhiều mâu thuẫn không chứng minh được số tiền chị đã trả nên không có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy chị L yêu cầu chị A trả số tiền vay còn nợ của 03 khoản vay là 431.800.000đ là có cơ sở chấp nhận.

[6] Các bên nguyên đơn, bị đơn không tranh chấp về tiền lãi nên không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị đơn Lâm Thị Ngọc A phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[8] Xét lời phát biểu của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp nhận định Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 03 Điều 26; Điều 35, 39, 147, khoản 2 Điều 244, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cô Thị Ngọc L.

- Về số tiền phải trả: Buộc chị Lâm Thị Ngọc A có trách nhiệm trả tổng số tiền vốn vay còn nợ là 431.800.000 đồng (Bốn trăm ba mươi mốt triệu tám trăm nghìn đồng) cho chị Cô Thị Ngọc L.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi được quy định tại khoản 02 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Buộc chị Lâm Thị Ngọc A phải nộp 21.590.000 đồng (Hai mươi mốt triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng) án phí giá ngạch dân sự sơ thẩm.

+ Chị Cô Thị Ngọc L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho chị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.636.000 đồng (Mười triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn đồng) theo biên lại thu tiền số 0004528 ngày 11/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Thoa